

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ VIỆC LÀM VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG KHUYẾT TẬT

● TRẦN VĂN DUY - NGUYỄN THỊ THUÝ HẰNG

TÓM TẮT:

Việt Nam còn khoảng 2 triệu người khuyết tật (NKT) có khả năng lao động nhưng chưa tham gia lao động, chưa có việc làm. Do đó, pháp luật việc làm và giải quyết việc làm cho NKT là lĩnh vực rất rộng mà vấn đề việc làm và giải quyết việc làm cho NKT theo pháp luật Việt Nam là vấn đề pháp lý còn rất mới và mang tính đặc thù của pháp luật an sinh xã hội và lao động, nên nội dung của bài viết tập trung đánh giá thực trạng pháp luật về việc làm và giải quyết việc làm cho người lao động khuyết tật.

Từ khóa: thực trạng pháp luật, việc làm, giải quyết việc làm, người lao động khuyết tật, quyền con người.

1. Đánh giá kết quả đạt được về thực trạng pháp luật về việc làm và giải quyết việc làm cho người lao động khuyết tật

Thứ nhất, quy định pháp luật về trách nhiệm của Nhà nước trong giải quyết việc làm cho người lao động khuyết tật:

+ Trách nhiệm của Nhà nước trong giải quyết việc làm cho người lao động (NLĐ) khuyết tật đã tạo hành lang pháp lý đầy đủ để Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ tạo ra việc làm và giải quyết việc làm cho NKT. Quy định rõ được trách nhiệm của Nhà nước trong việc hỗ trợ NLĐ để họ tự tạo việc làm và giải quyết việc làm cho NKT, hỗ trợ NLĐ tìm kiếm việc làm và giải quyết việc làm cho NKT trong nước hoặc nước ngoài và thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho NLĐ.

+ Hình thành được khuôn khổ pháp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng lao động phát

triển, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh để tạo ra việc làm và giải quyết việc làm cho NKT, cho NLĐ bằng các biện pháp cụ thể. Nhà nước lập chương trình việc làm và giải quyết việc làm cho NKT và Quỹ Quốc gia về việc làm và giải quyết việc làm cho NKT để hỗ trợ tạo ra việc làm và giải quyết việc làm cho NKT, cho NLĐ¹.

+ Hình thành được cơ chế Chương trình việc làm và giải quyết việc làm cho NKT có ý nghĩa quan trọng trong việc hoạch định các chính sách giải quyết việc làm và giải quyết việc làm cho NKT, cho NLĐ. Theo quy định của pháp luật, chương trình việc làm và giải quyết việc làm cho NKT chỉ được thực hiện ở địa phương (cấp tỉnh). Quỹ Quốc gia về việc làm và giải quyết việc làm cho NKT được thành lập để hỗ trợ cho vay ưu đãi tạo việc làm, giải quyết việc làm cho NKT và thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

+ Từng bước hình thành hoàn thiện quy định thể hiện vai trò của Nhà nước cho phép thành lập và phát triển hệ thống tổ chức dịch vụ việc làm và giải quyết việc làm cho NKT. Tổ chức dịch vụ việc làm và giải quyết việc làm cho NKT có vai trò quan trọng trong việc làm và giải quyết việc làm cho NKT, là cầu nối giữa NLĐ và người sử dụng lao động, để vận hành thị trường hàng hóa sức lao động. Việc Nhà nước cho phép thành lập và phát triển hệ thống tổ chức dịch vụ việc làm và giải quyết việc làm cho NKT là một trong những giải pháp “cung” gặp đúng “cầu”, góp phần giải quyết việc làm và giải quyết việc làm cho NKT, cho NLĐ.

Thứ hai, quy định pháp luật về trách nhiệm của người sử dụng lao động:

+ Hình thành được khuôn khổ pháp lý để Nhà nước luôn có chính sách bảo trợ quyền lao động, tự tạo việc làm của lao động là NKT, có chính sách khuyến khích và ưu đãi người sử dụng lao động tạo việc làm và nhận lao động là NKT vào làm việc, theo quy định của Luật Người khuyết tật.

+ Hình thành được cơ chế người sử dụng lao động phải bảo đảm về điều kiện lao động, công cụ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động phù hợp với lao động là NKT và thường xuyên chăm sóc sức khỏe của họ. Người sử dụng lao động phải tham khảo ý kiến lao động là NKT khi quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của họ.

+ Quy định khung pháp lý rõ ràng về những các hành vi bị cấm khi sử dụng lao động là NKT: Sử dụng lao động là NKT suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm. Sử dụng lao động là NKT làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại theo danh mục do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành. Như vậy, theo quy định của Bộ luật Lao động, một công ty cần chú ý quy định cấm khi sử dụng NKT suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên khi làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, làm những công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm.

+ Tạo được cơ chế hài hòa trách nhiệm của người sử dụng lao động gắn với quyền lợi, chế độ ưu đãi đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng lao động là NKT như: quy định về cơ sở sản xuất,

kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là NKT được hỗ trợ kinh phí cải tạo điều kiện, môi trường làm việc phù hợp cho NKT theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Mức hỗ trợ theo tỷ lệ NKT làm việc ổn định tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức độ khuyết tật của NLĐ và quy mô của cơ sở sản xuất, kinh doanh theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế; vay vốn ưu đãi theo dự án phát triển sản xuất - kinh doanh từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Điều kiện vay, thời hạn vay, mức vốn vay và mức lãi suất vay thực hiện theo quy định hiện hành áp dụng đối với dự án vay vốn giải quyết việc làm; miễn tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất - kinh doanh đối với cơ sở sản xuất - kinh doanh sử dụng từ 70% lao động là NKT trở lên. Giảm 50% tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất - kinh doanh đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% đến dưới 70% lao động là NKT... Trong thời gian được miễn, giảm tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước, cơ sở sản xuất - kinh doanh, không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng, cho, cho thuê quyền sử dụng đất, mặt bằng, mặt nước; không được thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, góp vốn liên doanh, liên kết bằng quyền sử dụng đất, mặt bằng, mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

Thứ ba, quy định pháp luật về Trung tâm giải quyết việc làm cho NLĐ khuyết tật:

Khung thể chế để vận hành Trung tâm Dịch vụ việc làm đã tổ chức phiên giao dịch việc làm lồng ghép tuyển dụng lao động là NKT nhấn mạnh vai trò, hiệu quả kết nối cung cầu của các phiên giao dịch việc làm cho NKT.

2. Đánh giá hạn chế tồn tại về thực trạng pháp luật về việc làm và giải quyết việc làm cho người lao động khuyết tật

Thứ nhất, quy định pháp luật về trách nhiệm của nhà nước trong giải quyết việc làm cho NLĐ khuyết tật.

Chưa có quy định rõ ràng và phân cấp quản lý trong việc xác định nội dung quan hệ pháp lý về trách nhiệm của nhà nước trong giải quyết việc làm cho NLĐ khuyết tật theo từng loại đối tượng NLĐ là NKT, bởi lẽ, nếu được phân loại cụ thể sẽ thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý rõ ràng hơn

theo quy định của pháp luật, NKT nặng và khuyết tật đặc biệt nặng. Tuy nhiên, trên thực tế, còn nhiều đối tượng khác cần sự giúp đỡ về vật chất hoặc tinh thần của Nhà nước và cộng đồng nhưng chưa được pháp luật quy định như người mắc bệnh tâm thần, bệnh tự kỷ, bệnh trầm cảm... về việc tạo điều kiện cơ hội tiếp cận việc làm và giải quyết việc làm.

Thứ hai, chưa có nhiều quy định mang tính đặc thù về chính sách thực hiện hạn chế trong thực hiện chính sách xuất khẩu lao động cho NKT.

Hiện nay, chính sách ưu đãi cho vay với lãi suất thấp để học nghề đi xuất khẩu lao động cho NKT chưa thực hiện được nhiều, chưa có chính sách ưu đãi cho các đối tượng NKT nặng. Do vậy, chưa tạo được sự thu hút đột phá cho đa số nhóm đối tượng NKT tham gia học nghề tại các chương trình do các doanh nghiệp, cơ quan lao động xã hội đứng ra thực hiện tổ chức, mà họ sẽ tự tìm kiếm, tham gia các khóa do các trung tâm, doanh nghiệp tổ chức.

Chưa có văn bản quy định đặc thù việc thực hiện phổ biến tuyên truyền về chính sách đào tạo nghề dành riêng cho lao động là NKT như: xuất khẩu lao động bằng con đường như thế nào? ưu đãi hay tự túc. Bên cạnh đó, quá trình hỗ trợ, giải quyết thủ tục hành chính cho NKT đi xuất khẩu lao động.

Thứ ba, việc quy định dạy nghề, học nghề để tiếp cận thị trường lao động còn khá chung chung, không hề có quy định về chế độ ưu đãi cho giáo viên dạy nghề bởi những người trực tiếp giảng dạy cho NKT cũng cần phải được hưởng các chế độ ưu đãi hơn so với giáo viên bình thường để thu hút đội ngũ giáo viên dạy nghề cho NKT đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu chất lượng. Bộ luật Lao động 2012 không có quy định về quyền học nghề của NKT mà chỉ quy định Nhà nước bảo trợ quyền lao động, tự tạo việc làm của lao động là NKT... theo quy định của Luật Người khuyết tật tại Điều 176, Khoản 1]. Theo đó, Luật Người khuyết tật 2010 có quy định: Nhà nước bảo đảm để NKT được tư vấn học nghề miễn phí, lựa chọn và học nghề theo khả năng, năng lực bình đẳng như những người khác tại Điều 32, Khoản 1. Tuy nhiên, quyền học nghề là một trong những quyền lợi cơ bản mà NKT được hưởng trong lĩnh vực lao động, quyền này phải được ghi nhận trước tiên

trong pháp luật lao động. Vì vậy, về quyền học nghề của NKT chưa rõ ràng trong Bộ luật Lao động 2012 để tạo cơ sở pháp lý cho việc thi hành quy định về dạy nghề cho NKT giúp bảo vệ tốt hơn quyền lợi chính đáng của NKT khi tham gia vào quan hệ lao động.

Để khuyến khích và bảo vệ tốt nhất quyền học nghề của NKT, pháp luật cần tạo điều kiện cho các cơ sở dạy nghề và các giáo viên dạy nghề cho NKT được hưởng các chính sách ưu đãi đặc biệt. Bộ luật Lao động 2012 không có quy định cụ thể về vấn đề này, trong khi Luật Người khuyết tật 2010 quy định cơ sở dạy nghề, tổ chức dạy nghề cho NKT... được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật tại Điều 32, Khoản 3. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 hướng dẫn thi hành Luật Người khuyết tật cũng không có quy định chi tiết về chính sách ưu đãi đối với cơ sở dạy nghề cho NKT như thế nào. Do vậy, Bộ luật Lao động 2012 cần bổ sung thêm quy định về chính sách ưu đãi cho các cơ sở dạy nghề, tổ chức dạy nghề cho NKT và cụ thể hóa quy định này trong Nghị định hướng dẫn thi hành.

Một điểm bất cập nữa là pháp luật lao động không hề có quy định về chế độ ưu đãi cho giáo viên dạy nghề bởi những người trực tiếp giảng dạy cho NKT cũng cần phải được hưởng các chế độ ưu đãi hơn so với giáo viên bình thường để thu hút đội ngũ giáo viên dạy nghề cho NKT đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu chất lượng. Luật Người khuyết tật 2010 và Luật Dạy nghề 2005 cũng đã có quy định chính sách ưu đãi trong đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng, phương pháp dạy nghề đối với giáo viên dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật. Cùng với chế độ chính sách về tiền lương, chính sách đối với nhà giáo ở trường chuyên biệt, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, giáo viên dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật còn được hưởng phụ cấp đặc thù theo quy định của Chính phủ. Vì vậy, nên chăng bổ sung các quy định về chế độ ưu đãi đối với giáo viên dạy nghề cho NKT trong Bộ luật Lao động 2012 và Nghị định hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Lao động 2012 về dạy nghề cho NKT để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ với các văn bản pháp luật có liên quan, cũng là để khuyến khích việc thực hiện quyền học nghề của NKT ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ Nguyễn Đình Liêu (2017). Trợ cấp xã hội trong hệ thống việc làm và giải quyết việc làm của người khuyết tật ở Việt Nam. Tạp chí Kinh tế - luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, (1).

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hoàng Tuyết (2019). TP. Hồ Chí Minh: Dạy nghề, giải quyết việc làm cho người khuyết tật. Truy cập tại <http://vieclamnkt.vn/thong-tin-chi-tiet/tp-hcm-day-nghe-giai-quyet-viec-lam-cho-nguoi-khuyet-tat-6057>
2. Nguyễn Hữu Minh chủ nhiệm đề tài (2005). *Những vấn đề đặt ra về hệ thống việc làm và giải quyết việc làm của người khuyết tật ở Việt Nam*. Đề tài tiềm năng năm 2005, Viện Khoa học xã hội Việt Nam., Hà Nội, tr.23.
3. Tô Duy Hợp (2011). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản của việc kiến tạo hệ thống việc làm và giải quyết việc làm của người khuyết tật tam nông ở Việt Nam - Tầm nhìn 2020*. Đề tài nghiên cứu khoa học, Viện Xã hội học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tr.45.

Ngày nhận bài: 11/8/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 7/9/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 17/9/2022

Thông tin tác giả:

1. TS. NCVC. TRẦN VĂN DUY¹

2. ThS. GV. NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG²

¹**Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam**

²**Trường Cán bộ quản lý giao thông vận tải**

ASSESSMENT OF THE LEGAL STATUS OF EMPLOYMENT AND EMPLOYMENT SETTLEMENT FOR WORKERS WITH DISABILITIES

● Ph.D. **TRAN VAN DUY¹**

● Master. **NGUYEN THI THUY HANG²**

¹ Principal investigator, Vietnam Academy of Social Sciences

² Lecturer, School of Transport Managers

ABSTRACT:

In Vietnam, there are about two million people with disabilities who are able to work but have not yet joined the workforce. Therefore, the law on employment and job placement for people with disabilities is a very broad field. The issues of employment and job placement for people with disabilities is a very new legal issue in Vietnam due to the specificity of the law on social security and labor. This paper analyzes the current status of the law on employment and job creation for workers with disabilities.

Keywords: legal status, employment, disabled workers, human rights.